TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST
Ngày 04-7-2018
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng D.

Ông Lê Thanh Sơn.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Tươi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B*** *tham gia phiên toà:* Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018 về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Như H (tên gọi khác L), sinh năm: 1989.

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. *Có mặt*

2. Bị đơn: Anh Trịnh Văn D, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đ.

Tạm trú: ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 01 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn- chị Nguyễn Thị Như H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Trịnh Văn D là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2010, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18-11-2010 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh D có tư tưởng trọng nam khinh nữ mà chị H sinh đôi hai đứa con gái nên anh D không quan tâm đến

gia đình mà thường xuyên uống rượu, đánh bạc và bán tài sản trong gia đình để đánh bạc. Chị H và anh D sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị H yêu cầu ly hôn với anh Trịnh Văn D.

- Về con chung: Chị H và anh D có 02 người con chung tên Trịnh Nguyễn Xuân N1, sinh ngày 15-8-2011(Nữ); Trịnh Nguyễn Đông N2, sinh ngày 15-8-2011(Nữ). Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung:

+ Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị H không còn yêu cầu hay trình bày gì khác.

Bị đơn – Anh Trịnh Văn D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Nhưng anh D không tham gia phiên tòa, không gửi văn bản trình bày kiến của mình. Do đó, Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt anh D.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền; Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành tốt những qui định pháp luật, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành nghiêm nội qui phiên tòa. Đối với bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Như H, chị H được quyền ly hôn với anh D. Về con chung: Giao hai con chung cho chị H tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.Về án phí: Chị H phải chịu tiền án phí theo pháp luật quy định.

- Về yêu cầu khắc phục vi phạm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Trịnh Văn D vắng mặt, nhưng Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục tống đạt để đảm bảo cho việc xét xử vắng mặt theo qui định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh D là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2010, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18-11-2010 tại Ủy ban

nhân dân xã L. Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh D là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Xét thấy, lời trình bày của chị H thì mâu thuẫn giữa chị H và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Đối với bị đơn Tòa án đã tiến hành niêm yết, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh D không tham gia phiên tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

[3] Về con chung: Chị H và anh D có 02 người con chung tên Trịnh Nguyễn Xuân N1, sinh ngày 15-8-2011(Nữ); Trịnh Nguyễn Đông N2, sinh ngày 15-8-2011(Nữ) do chị H đang nuôi dưỡng. Do đó, cần giao hai con chung cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục. Về cấp dưỡng: Do chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do chị H và anh D không có yêu cầu nên không xem xét ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58; Điều 71; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Như H được ly hôn với anh Trịnh Văn D.

2. Về con chung: Giao cho chị H được quyền nuôi dưỡng, giáo dục hai người con chung tên Trịnh Nguyễn Xuân N1, sinh ngày 15-8-2011(nữ); Trịnh Nguyễn Đông N2, sinh ngày 15-8-2011(nữ). Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Anh Trịnh Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Như H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai số 0021217 ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Chị H đã nộp xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh Trịnh Văn D không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D có quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện B;
- C.c THADS huyện B;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

NGUYỄN VĂN ĐOÀN